TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/DS-ST
Ngày: 27/6/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Thuỷ.
2. Ông Lê Trọng Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly **-** Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 453/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Ngân hàng Thương mại cổ phần S.T.
Địa chỉ trụ sở chính: Số B-L, Đường N, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số H N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2024).

2. Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1985 (*vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số H-L, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.T cùng bản khai trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.T:

Ngày 02/11/2016, bà D có ký với ngân hàng Thương mại cổ phần S.T (*gọi tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng*). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của bà D ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D với hạn mức sử dụng là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 913.508.732 (*chín trăm mười ba triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm ba mươi hai*) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà D đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 885.706.751 (*tám trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm năm mươi mốt*) đồng. Sau đó, mặc dù bà D vi phạm hợp đồng đã được nhắc nhở, nhưng không có thiện chí thanh toán nợ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 01/11/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/6/2024 bà D còn nợ ngân hàng số nợ tổng cộng là 75.966.130 (*bảy mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 33.558.996 đồng.

- Lãi quá hạn: 42.407.134 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà D trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn bà D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần Sài G.T là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S.T khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương D để đòi số nợ vốn, lãi còn thiếu trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và bà D có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận 10, nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S.T khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương D, nên tư cách tham gia tố tụng là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Phương D bên bị kiện tư cách tham gia tố tụng là bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2023 của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M và văn bản uỷ quyền ngày 26/6/2024 uỷ quyền cho ông Nguyễn Nhật Kinh K đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T có ông Nguyễn Nhật Kinh K đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/11/2016 và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do ngân hàng Thương mại cổ phần S.T và bà D ký kết với nhau, cùng các bản sao kê do nguyên đơn ngân hàng cung cấp thể hiện bị đơn bà D có thực hiện các giao dịch với nguyên đơn ngân hàng và tính đến ngày 27/6/2024 bà D còn nợ ngân hàng số nợ tổng cộng là 75.966.130 (*bảy mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 33.558.996 đồng.

- Lãi quá hạn: 42.407.134 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà D trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Khi nguyên đơn ngân hàng đã khởi kiện vụ án tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà D vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng nếu có của bị đơn bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ như nguyên đơn ngân hàng đã cung cấp để làm cơ sở xét xử vụ án.

Nay nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn bà D thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vì bị đơn bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mà đôi bên đã thỏa thuận với nhau trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T buộc bị đơn bà D phải thanh toán số nợ như đã nêu trên cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng được tính tiếp theo từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán

hết các khoản nợ nêu trên cho phía nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T được Tòa án chấp nhận buộc bị đơn bà D phải thanh toán nợ, nên bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D trả cho nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T số tiền nợ vốn lãi tổng cộng tính đến hết ngày 27/6/2024 là 75.966.130 (*bảy mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi*) đồng (trong đó: nợ gốc 33.558.996 đồng, lãi quá hạn 42.407.134 đồng). Cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D chịu 3.798.307 *(ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm lẻ bảy)* đồng. Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T số tiền tạm ứng án phí 1.570.860 *(một triệu năm trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi)* đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0035746 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án; đối với nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S.T và bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q.10;
-Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Chinh